

VỊ TRÍ CỦA PHẬT GIÁO THỜI LÝ TRONG TIẾN TRÌNH VĂN HOÁ THĂNG LONG- HÀ NỘI

THƯỢNG TỌA THÍCH BẢO NGHIÊM

Tóm tắt

Phật giáo ra đời ở Ấn Độ vào thế kỷ VI TCN và có mặt tại Việt Nam từ những năm đầu Công nguyên. Khoảng thời gian hơn 1000 năm tính từ đó cho đến khi đất nước ta thoát khỏi ách đô hộ của phong kiến phương Bắc để trở thành một quốc gia độc lập – thời Lý - đã đủ để Phật giáo tạo ra một vị trí quan trọng và vững chắc trong đời sống của người Việt. Điều đó được thể hiện trong đời sống chính trị, đời sống xã hội và đời sống văn hóa của nhân dân ở mọi vùng miền trong cả nước, nhưng có lẽ, không đâu rõ nét bằng ở trung tâm chính trị- văn hóa- xã hội của nước Đại Việt – kinh đô Thăng Long. Qua những dấu ấn còn lại đến ngày nay, có thể khẳng định: Phật giáo có một vị trí đặc biệt quan trọng đối với vùng đất “đế vương” này, và đã góp phần kiến tạo nên diện mạo văn hóa của vùng đất này suốt 1000 năm qua.

Bàn về vị trí, vai trò của một tôn giáo (nhất là Phật giáo) trong tiến trình văn hoá của dân tộc Việt là một việc vừa dễ lại vừa khó. Dễ là bởi ở bất cứ vùng đất nào, dù đồng bằng hay miền núi, nông thôn hay thành thị, ta đều thấy dấu ấn đậm nét của Phật giáo; nhưng lại có cái khó, bởi để phân định rạch ròi, đâu là ảnh hưởng của Phật giáo, đâu là của các tôn giáo, tín ngưỡng khác thì lại cũng không thật dễ dàng; bởi tất cả đã hoà quyện với nhau thành một khối thống nhất không thể tách rời, mà chúng ta vẫn gọi là VĂN HOÁ VIỆT NAM. Tuy nhiên, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi cố gắng đưa ra những ý kiến của mình về ảnh hưởng của Phật giáo thời Lý đối với tiến trình văn hoá của một vùng đất đặc biệt – kinh đô Thăng Long.

Trong tiến trình văn hoá Việt Nam, văn hoá Thăng Long- Hà Nội nổi lên như một điểm sáng, bởi bên cạnh bản sắc văn hoá độc đáo của vùng đất kinh kỳ, đây còn là nơi hội tụ tinh hoa văn hoá của mọi vùng miền trong cả nước.

Trước thế kỷ XI, Hà Nội (khi đó có tên là Đại La) đã là một thành thị có tâm cỡ. Từ thế kỷ XI trở đi, sau khi được vua Lý Thái Tổ chọn làm kinh đô và đặt tên là Thăng Long thì nơi đây trở thành trung tâm kinh tế, chính trị và văn hóa của cả nước. Suốt một nghìn năm qua, dù có lúc thăng trầm, nhưng Thăng Long- Hà Nội vẫn giữ vững vị thế ấy.

Trải suốt từ thời văn hóa Đông Sơn, qua văn hóa Đại Việt cho đến tận ngày nay với bề dày lịch sử và văn hoá hàng nghìn năm, nên việc Cổ Loa và Thăng Long được chọn làm thủ đô nước Âu Lạc thời cổ đại và Đại Việt thời trung đại không phải là ngẫu nhiên, mà là hệ quả tất yếu của một tiến trình lịch sử- văn hoá lâu dài. Trong “Chiếu dời đô” của vua Lý Thái Tổ đã thể hiện điều đó. Nhà vua nêu rõ: việc dời đô từ Hoa Lư về Đại La (sau đổi thành Thăng Long) không phải chỉ theo ý riêng mình mà

đó là vì “muốn đóng đô ở nơi trung tâm mưu đồ nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu, trên vầng mệnh trời, dưới theo ý dân...” đề cho “vận nước lâu dài, phong tục phồn thịnh”, rằng kinh đô mới “ở vào nơi trung tâm trời đất, được thế rồng châu hổ phục, chính giữa Nam, Bắc, Đông, Tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao và sáng sủa... Xem khắp đất Việt, đó là nơi thắng địa. Thật là nơi tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời”.

Cũng như nhiều vùng/miền khác, Thăng Long- Hà Nội là một vùng văn hóa riêng, nhưng lại là trung tâm văn hóa của cả nước; bởi thế, văn hóa Thăng Long- Hà Nội vừa có tính địa phương lại vừa có tính dân tộc; vừa đặc thù lại vừa phổ biến và đa dạng; vừa có tính năng động của một vùng đô hội, lại vừa mang tính bền vững của một kinh đô lâu đời. Tất cả những điều đó đã tạo nên những đặc điểm riêng của vùng văn hóa “phồn hoa thứ nhất Long thành” mà không nơi nào có được. Có lẽ vì thế nên người dân Thăng Long- Hà Nội hết sức tự hào về nét văn hoá đặc sắc ấy:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài

Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An

Và để có được bản sắc văn hoá và nét thanh lịch, hào hoa đậm chất kinh sư ấy, ngoài những yếu tố văn hoá nội sinh của người Việt, còn có sự ảnh hưởng, sự hoà quyện của nhiều tôn giáo khác nhau, mà trong đó, nổi trội/điển hình hơn cả, là ảnh hưởng của Phật giáo. Nói cách khác, Phật giáo có một vai trò quan trọng, một vị trí không thể thay thế khi kiến tạo nên diện mạo riêng cho vùng văn hoá Thăng Long trong tiến trình lịch sử, đặc biệt là Phật giáo thời Lý.

Ra đời từ thế kỷ VI TCN ở Ấn Độ, theo chân các tăng đoàn truyền giáo, Phật giáo có mặt ở nước ta từ những năm đầu Công nguyên. Với tinh thần “lục hòa” và bản tính dễ thích nghi, nên chỉ trong một thời gian ngắn, Phật giáo đã bén rễ và tạo ra những ảnh hưởng to lớn trên mọi phương diện của đời sống người dân Việt. Sự ảnh hưởng này ngày càng mạnh mẽ hơn, nhất là khi nước Việt thoát khỏi ách đô hộ kéo dài gần 1000 năm của phong kiến phương Bắc và đến khi vua Lý Thái Tổ lên ngôi, lập nên vương triều Lý và dời đô ra Thăng Long thì ảnh hưởng ấy ở vào mức cực đại.

Là người đứng đầu quốc gia nhưng đã từng được nuôi dạy trong chùa như Lý Công Uẩn, thì những ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống chính trị, văn hoá, xã hội là điều không thể tránh khỏi. Nhưng nhìn nhận một cách công bằng thì chính tư tưởng từ bi, bác ái cùng với khả năng uyên chuyên, năng động, luôn đề cao tư tưởng từ bi hỉ xả, hòa hợp và đoàn kết con người trên tinh thần giải thoát, giác ngộ của Phật giáo chính là một giải pháp cần thiết, hữu hiệu để xây dựng và duy trì trật tự xã hội cho một quốc gia non trẻ, muốn khẳng định vị thế của mình trước một cường quốc như Trung Hoa thời bấy giờ. Thời điểm đó, nếu chỉ áp dụng quan điểm trị quốc với tư tưởng tam cương, ngũ thường của Nho giáo thì hoàn toàn chưa phù hợp; và vì thế, lựa chọn bộ đỡ tư tưởng Phật giáo cho đường lối trị quốc là việc làm cần thiết và chính xác của các vua triều Lý. Và thực tế đã cho thấy: tinh thần nhập thế của Phật giáo đã kết hợp với tinh thần yêu nước, ý thức độc lập dân tộc để tạo nên một sức mạnh vô bờ

trong thời chiến, chống lại kẻ thù luôn nhắm nhe xâm lược nước ta. Còn trong thời bình, xu hướng nhập thể lại khuôn phò dân tộc với chủ trương *tu* và *tục* không tách rời nhau.

Chính tư tưởng trị nước căn bản dựa trên tư tưởng Phật giáo đã khiến không chỉ các vị vua thời Lý mà cả đến vương hầu, thứ dân đều quan tâm và trọng thị Phật giáo. Kết quả là, trong đời sống văn hoá của người dân Việt nói chung, người dân Thăng Long nói riêng, đều thấm đẫm tinh thần nhân văn của Phật giáo. Những tình yêu thương đồng loại – “thương người như thể thương thân” của người Việt dường như được thể hiện rõ nét hơn ở kinh thành- trung tâm của đất nước.

Sách Cương mục còn ghi lại: “Trước kia có chiếu chỉ rõ ràng: dân không được đánh nhau bằng tre gỗ và những đồ sắc bén... Phạm người nào đánh chết người thì phạt 100 trượng, thích 50 chữ và phải tội đồ”; hay như *Đại Việt sử ký toàn thư* còn chép lại sự kiện vua Lý Thánh Tông lệnh cho hữu ty phát chẩn chiếu và cấp cơm ngày 2 bữa cho các tù nhân... Có lẽ bởi thế nên nhà Lý được xem như một triều đại thuận từ nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Hầu như không có cảnh tranh đoạt, bạo loạn, cực hình, mà thay vào đó bằng một đường lối chính trị khoan dung, độ lượng, từ bi với thần dân và với cả kẻ thù. Trong hơn 200 năm tồn tại của triều Lý, những sự kiện như vua Thái Tông tha tội cho Nùng Trí Cao, hay vua Thánh Tông không giết vua Chiêm là Chế Củ, vua Anh Tông tha tội cho đảng Thân Lợi ... là khá phổ biến, và tất cả là đều nhờ bởi tinh thần từ bi của Phật giáo.

Còn trên lĩnh vực kiến trúc- điêu khắc, có lẽ không địa phương nào sánh được với Thăng Long về mật độ chùa chiền và di vật của Phật giáo còn được ghi chép trong các trang sử sách. Những công trình kiến trúc và điêu khắc Phật giáo thời Lý đóng góp một phần quan trọng không thể thay thế trong diện mạo văn hóa Thăng Long suốt cả nghìn năm qua; bởi kinh thành Thăng Long từ ngày đặt viên gạch xây dựng đầu tiên đã mang dấu ấn tinh thần Phật giáo một cách rõ nét qua các công trình kiến trúc chùa cảnh.

Trong *Đại Việt sử ký toàn thư* còn ghi rõ: “Lý Thái Tổ lên ngôi mới được 2 năm, tông miếu chưa dựng, đàn xã tắc chưa lập mà trước đã dựng 8 chùa ở phủ Thiên Đức, lại trùng tu chùa quán ở các lộ và độ cho làm tăng hơn nghìn người ở kinh sư, ... làm chùa thờ Phật lộng lẫy hơn cung điện của vua... nhân dân quá nửa là sư sãi” [tr.242- 243] (Lời sớ thần Lê Văn Hưu). Và từ bao giờ không rõ, “đất vua, chùa làng, phong cảnh bụt” đã trở thành hình ảnh thân thương trong lòng mỗi người dân Việt.

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, phần lớn những ngôi chùa ấy đến nay không còn nữa, nhưng chúng ta không thể quên ngọn Đại Thắng Tư Thiên bảo tháp (tháp Báo Thiên) nằm trong khuôn viên chùa Báo Thiên- một ngôi chùa chắc chắn phải có quy mô lớn, bởi đây là ngôi chùa của quốc gia, do nhà vua đích thân ra lệnh xây dựng và lệnh phát cho “1 vạn 2 nghìn cân đồng để đúc chuông lớn”, trên có khắc bài minh do chính tay vua Lý Thánh Tông soạn. Nhiều tài liệu còn ghi thêm, triều đình cấp đồng để đúc cả tầng 12 của ngọn tháp này. Tuy không thể khảo cứu về độ lớn của tầng tháp này, nhưng khi nhắc tới “An Nam tứ đại khí” (4 vật được tạo tác bằng kim loại lớn nhất của nước Việt) được lưu truyền trong sử sách và nhân gian, chúng ta vẫn

thường kể đến tầng tháp này và xếp nó ở vị trí đầu tiên: Tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền, tượng chùa Quỳnh Lâm và vạc (chùa) Phổ Minh.

Phạm Sư Mạnh- một trong những học trò xuất sắc nhất của Chu Văn An đã viết bài thơ về tháp Báo Thiên:

*Trần áp đông tây củng đế kỳ
Khuy nhiên nhất tháp độc nguy nguy
Sơn hà bất động kinh thiên bút
Kim cổ nam ma lập địa chùy
Phong bải chung linh thời ứng đáp
Tinh di dăng chúc dạ quang huy
Ngã lai dục tử đề thi bút
Quản lãnh xuân giang tác nghiên trì.*

Dịch thơ:

*Trần áp đông tây giữ đế đô
Hiên ngang ngọn tháp đứng trơ trơ
Non sông vững chãi tay trời chống
Kim cổ khôn mòn đỉnh tháp nhô
Thỉnh thoảng gió lay chuông ứng đáp
Đêm đêm sao xé đuốc khôn mờ
Tới đây những muốn dầm ngòi bút
Chiếm cả dòng sông mài mực thơ...
(Đào Thái Tôn dịch)*

Và 24 năm sau - năm 1080, theo gương của các tiền nhân, vua Nhân Tông lại cho đúc chuông chùa Diên Hựu. Nhưng có lẽ vì quá to và nặng đến mức không thể treo, nên người dân Thăng Long “đành” mang ra ruộng để cho rùa vào làm tổ và gọi là chuông Quy Điền.

Cùng với chùa, tháp Báo Thiên là rất nhiều các ngôi chùa khác được dựng trên đất Thăng Long, trong đó có chùa trở thành biểu tượng của dân tộc Việt Nam như chùa Một Cột (Diên Hựu tự) được dựng năm 1049, sau một giấc mơ của vua Lý Thái Tông... Có thể thấy, Diên Hựu (kéo dài tuổi thọ) là một tên gọi hết sức ý nghĩa ở vào thời điểm chúng ta mới thoát khỏi ách đô hộ của phong kiến phương Bắc và bắt đầu bắt tay vào xây dựng, củng cố một quốc gia độc lập thật sự. Và vì thế, mong muốn kéo dài tuổi thọ của Hoàng đế Thái Tông không phải chỉ vì bản thân, mà cao hơn, đó chính là mong ước đất nước, dân tộc được trường tồn và trường tồn với tư cách là một

quốc gia độc lập, không phụ thuộc vào kẻ thù lớn phương Bắc sau gần 1000 năm bị lệ thuộc.

Theo các tài liệu, chùa Diên Hựu được dựng trên hồ Linh Chiểu, ở vườn Tây Cấm trong kinh thành Thăng Long: giữa hồ là cột đá cao, trên đỉnh cột dựng ngôi chùa gỗ, bên trong đặt pho tượng Quan Âm bằng vàng. Nhìn từ xa, chùa như đóa sen nghìn cánh vươn lên từ gương nước trong xanh, biểu hiện một sự thanh cao, trong sạch, thấm đượm tinh thần của Phật giáo và cũng biểu trưng cho cốt cách tinh thần của người Việt.

Ngoài chùa Diên Hựu, những ngôi chùa khác được xây dựng với quy mô lớn như chùa Bà Tấm (Gia Lâm – Hà Nội) với chiều ngang của bậc cửa vào chùa rộng 12m và chiều dài từ bậc cửa vào đến giữa tòa Thượng điện là 60m. Chỉ cần vài số đo ấy ta cũng có thể thấy khu “nội tự” rộng đến mức nào...

Có thể khẳng định, cho đến trước khi dựng Văn Miếu, mở trường học năm 1070, thì ngôi chùa là trường đào tạo nhân tài và đội ngũ trí thức lúc bấy giờ phần lớn có xuất phát điểm từ chùa. Các thiền sư không những uyên thâm giáo lý Phật giáo mà còn tinh thông Nho giáo, dịch lý và Đạo giáo, là những thầy giáo toàn diện. Và tinh thần ấy còn được truyền cho đến những triều đại sau, để lịch sử được chứng kiến những vị vua sẵn sàng cởi bỏ hoàng bào, rời bỏ ngai vàng không mấy may nuôi tiếc.

Cùng với hệ thống di sản văn hóa vật thể, kinh đô Thăng Long còn lưu giữ những di sản văn hóa phi vật thể của Phật giáo hết sức độc đáo và đặc sắc. Ví như: Dưới sự tác động, hướng dẫn tinh thần của các thiền sư, Phật giáo dưới thời Lý đã tạo dựng một bản sắc văn hóa chính trị đầy tính nhân bản. Đối với sinh hoạt văn học, Phật giáo cũng có những đóng góp to lớn. Nền văn học Đại Việt mà chúng ta được biết tới ngày nay tuyệt đại đa số là trước tác của các thiền sư; và có thể nói, văn học Phật giáo đã trở thành dòng văn học chủ đạo của thời kỳ này.

Những lễ hội Phật giáo cũng được tổ chức khá thường xuyên, như lễ tắm Phật được thực hiện hàng năm, Nhân vương hội (hội tụng kinh Phật thuyết Nhân vương Bát Nhã Bà La Mật kinh) được tổ chức nhiều lần trong cung, rồi việc rước các vị Phật Tứ pháp về kinh để cầu đảo cũng nhiều lần được sử sách ghi lại... đã tạo ra một diện mạo phong phú trong đời sống tinh thần của người dân Thăng Long thời Lý.

Ngoài ra, nghệ thuật dân gian cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng của Phật giáo, ví như nghệ thuật múa rối nước và múa rối cạn đã đạt được những thành tựu tuyệt vời: trong ngày hội đèn Quảng Chiếu giữa kinh đô Thăng Long, cả vua và dân đã được thấy cây đèn độc đáo hình nhà sư, vận máy biết giờ dùi đánh chuông, nghe tiếng sáo biết quay mặt lại chào khán giả...

Bên cạnh đó, dù ngay tại kinh đô hay các vùng miền khác, ngôi chùa thời Lý không chỉ đơn thuần là nơi tu hành của các bậc đại sư mà còn có nhiều chức năng khác: chùa đồng thời là nơi chữa bệnh cho dân, là trường học dạy chữ cho người Việt (ở những thời điểm mà Nho giáo chưa đảm trách được công việc này).

Điểm lại ảnh hưởng của Phật giáo trong các lĩnh vực thuộc đời sống chính trị, văn hóa, xã hội của nước Đại Việt thời Lý nói chung, đất Thăng Long nói riêng để khẳng định: Phật giáo tồn tại và phát triển với tư cách là một đạo và là tác nhân của khối đoàn kết dân tộc. Đạo Phật thời này đã nhập thể và Việt hoá, phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng và có tác động đến mọi lĩnh vực của cuộc sống. Và chính điều đó đã làm nên bản sắc riêng của kinh đô Thăng Long với các địa phương khác trong cả nước. Thời gian trôi qua, dù có lúc thăng trầm, đã đôi lúc tưởng như Phật giáo không còn vai trò trong việc hình thành nhân cách của người Việt nói chung, người Thăng Long- Hà Nội nói riêng, nhưng những việc mà họ đã và đang làm lại cho thấy: Phật giáo chưa bao giờ mất đi ảnh hưởng của mình trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, trong tiến trình tạo dựng văn hóa Thăng Long. Và mái chùa muôn đời vẫn là nơi “che chở hồn dân tộc”, nơi giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống của người Việt và giúp con người hướng thiện, đến với điều lành, tránh điều ác. Và những việc làm đầy tính nhân bản, vì con người thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “thương người như thể thương thân”... rõ nét hơn hết ở mỗi người dân Thăng Long- Hà Nội đã thấm đẫm tinh thần từ bi của Phật giáo. Đó chính là kết quả của việc đồng hành cùng kinh đô Thăng Long ngay từ buổi đầu khi vùng đất Đại La được lựa chọn là kinh đô của một quốc gia độc lập, một triều đại tuy non trẻ nhưng đầy khí thế.

Với những đóng góp của Phật giáo từ 1000 năm trước, những người con Phật hôm nay thấy vô cùng tự hào vì tinh thần hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc, đóng góp vào lịch sử và văn hiến của Thăng Long – Hà Nội của Phật giáo, những cũng thấy cần khơi dậy ý thức trách nhiệm, lòng quyết tâm tu tập và dần thân hoằng dương Phật pháp. Bởi chỉ có như vậy, mạng mạch Phật pháp trên đất *Rồng bay* mới được tiếp nối, duy trì và xiển dương, đưa Phật giáo Thăng Long trở lại vị thế xứng đáng mà các thế hệ tiền nhân thời Lý đã làm./.

T.B.N

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Hồng Dương, *Tôn giáo trong mối quan hệ văn hóa và phát triển ở Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, 2004.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập 1, Nxb KHXH, Hà Nội, 1985.
3. Thích Bảo Nghiêm, *Một di tích thời Lý trên đất Thăng Long, chùa Lý Triều Quốc Sư, giác ngộ* (41), 2000, Tr. 16-17.
4. Phan Ngọc, *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 2002.
5. Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Tập 2, NXB TP. Hồ Chí Minh, 2001.
6. Nguyễn Tài Thư (chủ biên), *Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, NXB KHXH, Hà Nội, 1993.
7. Viện Triết học, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988.